

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TH PHỐ KT
TỈNH KT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2024/HS-ST.

Ngày: 15/11/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TH PHỐ KT, TỈNH KT

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Diệp và bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quang Đô - Thư ký TAND Th phố Kt, tỉnh Kt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th phố Kt, tỉnh Kt tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Th phố Kt, tỉnh Kt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị T Nh, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1980 tại tỉnh Kt; trú tại: Số 02 Hoàng Diệu, Tổ 02, phường Th N, Th phố Kt, tỉnh Kt; nghề nghiệp: Không; học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê TM, sinh năm 1959 và bà Nguyễn T, sinh năm 1963; có chồng anh Phan Tuấn Anh, sinh năm 1976 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: Ngày 24/7/2021, bị Tòa án nhân dân Th phố Kt xử phạt 09 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 21/9/2023 (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2024 đến nay, có mặt.

2. Lê Q C, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1998 tại tỉnh Kt; trú tại: Số 65 Ngô Quyền, tổ 02, phường Th N, Th phố Kt, tỉnh Kt; nghề nghiệp: Không; học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hùng D, sinh năm 1961 và bà Lê T H, sinh năm 1967.

Tiền án: Ngày 24/7/2021, bị Tòa án nhân dân Th phố Kt xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 15/02/2023 (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2024 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Md, sinh năm 1995; trú tại: Số 160/23 Lê Hồng Phong, Tổ 08, phường Q T, Th phố Kt, tỉnh Kt;

2. Chị Nguyễn Thị K O, sinh năm 1989; trú tại: Số 159 Lê Hồng Phong, tổ 08, phường Q T, Th phố Kt, tỉnh Kt;

3. Chị Phan Thị Th, sinh năm 1988; trú tại: Số 43 Ngô Quyền, tổ 03, phường Th N, Th phố Kt, tỉnh Kt;

4. Anh Thái S, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Kon Rơ Long, xã Đ, Th phố Kt, tỉnh Kt;

5. Anh Quách Th đ, sinh năm 1995; trú tại: Hẻm 189/8 Phan Chu Trinh, phường Th L, Th phố Kt, tỉnh Kt.

(Tất cả những người liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/6/2024 tại ngã tư đường Lê Lợi - Hoàng Văn Thụ, phường Q T, Th phố Kt, chị Nguyễn Thị Md đang ngồi sau xe mô tô BKS 82B1-626.15 do chị Nguyễn Thị K O cầm lái, lúc này chị Duyên đang cầm trên tay trái 01 đoạn ống hút nhựa bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, nghi là ma túy. Công an lập biên bản thu giữ các đồ vật, tài sản gồm:

- 01 đoạn ống nhựa hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng;
- 01 xe mô tô BKS 82B1-636.15;
- 01 điện thoại di động dạng cảm ứng OPPO;
- 01 điện thoại di động dạng cảm ứng, mặt sau có chữ TECNO POVA.

Chị Oanh và chị Duyên khai nhận: Chất tinh thể rắn màu trắng có trong ống hút nhựa bị thu giữ nêu trên là ma túy đá của Oanh và Duyên cùng chung mua của bị cáo Lê Q C giá 200.000 đồng vào khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày 21/6/2024 tại trước khách sạn Hồng My của chị Phan Thị Th, địa chỉ: 43 Ngô Quyền, Th phố Kt. Duyên là người điện thoại liên lạc với bị cáo Cường hỏi mua ma túy. Bị cáo Cường trực tiếp bán ma túy cho Oanh và Duyên.

- Trên cơ sở lời khai của Oanh và Duyên nêu trên, vào hồi 18 giờ cùng ngày 21/6/2024 tại trước công nhà bị cáo Cường (*không có sổ nhà*) trên đường Lê Hoàn, đoạn thuộc thôn Kt Kơ Pơng, phường Th L, Th phố Kt, Công an tiến hành kiểm tra hành chính đối với bị cáo Cường và bị cáo Lê Thị T Nh và lập biên bản thu giữ các đồ vật, tài sản mà bị cáo Nhi tự nguyện giao nộp khi bị kiểm tra, gồm:

- 01 phong bao bằng giấy màu đỏ (*phong bao dùng lì xì tiền vào ngày tết*) bên trong có 03 bì ni lông chứa chất tinh thể rắn màu trắng được dán kín;

- 01 kéo bằng kim loại;
- 01 cân tiểu ly;
- 02 tờ tiền Việt Nam đồng, mệnh giá 100.000 đồng.
- 01 điện thoại di động OPPO màu xanh của bị cáo Cường;
- 01 điện thoại di động NOKIA màu đen bị cáo Nhi.

Bị cáo Cường và Nhi khai nhận: Chất tinh thể rắn màu trắng trong 03 bì ni lông mà bị cáo Nhi giao nộp ở trên là ma túy đá của hai bị cáo. Chất ma túy này là một phần trong tổng khối lượng ma túy mà bị cáo Nhi rủ bị cáo Cường cùng mua chung trị giá 1.500.000 đồng của đối tượng có tên Chính không rõ nhân thân lai lịch, vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 20/6/2024 tại nhà Cường, mục đích mua để bán kiếm lời. Trong đó Nhi là người đưa 1.500.000 đồng cho Cường để mua ma túy, Cường là người trực tiếp mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, Cường lấy một ít bỏ vào ống thủy tinh uốn cong một đầu có bầu hở để sử dụng, sau khi sử dụng vẫn còn một ít trong ống thủy tinh.

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 21/6/2024 Cường đưa số ma túy đã mua nêu trên cho Nhi. Nhi mang theo ma túy đến khách sạn Hồng My, thuê phòng số 205 rồi phân chia ma túy Th từng phần nhỏ đựng trong 03 bì ni lông và 02 đoạn ống hút nhựa nhằm mục đích bán kiếm lời.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày 21/6/2024 tại trước khách sạn Hồng My, Cường và Nhi đã 02 lần bán ma túy có trong 02 ống hút nhựa cho anh Quách Th Đô và chị Duyên, giá bán ma túy có trong 01 ống hút nhựa là 200.000 đồng. Bị cáo Cường là người trực tiếp giao dịch bán ma túy, nhận tiền và đưa lại tiền cho Nhi.

Quách Th Đô khai nhận: Chất ma túy có trong 01 ống hút nhựa mà Đô mua của bị cáo Cường giá 200.000 đồng vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/6/2024 tại trước khách sạn Hồng My. Đô đã tự đốt tiêu hủy chất ma túy này.

- Trên cơ sở lời khai của hai bị cáo nêu trên. Công an tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Cường ở đường Lê Hoàn, đoạn thuộc thôn Kt Kơ Pong, phường Th L, Th phố Kt, phát hiện lập biên bản thu giữ 03 bì ni lông, 01 ống thủy tinh uốn cong một đầu có bầu hở bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng đục. Bị cáo Cường khai nhận, chất tinh thể rắn màu trắng đục trong ống thủy tinh là ma túy, bị cáo lấy từ trong tổng khối lượng ma túy của bị cáo và Nhi mua chung trị giá 1.500.000 đồng nêu trên để dùng thử, nhưng chưa dùng hết nên còn lại một ít trong ống thủy tinh.

Tại Kết luận giám định số 182/KL-KTHS ngày 04/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kt kết luận:

- Chất tinh thể rắn màu trắng có trong 01 ống hút nhựa thu của Duyên và Oanh là ma túy Methamphetamine, khối lượng **0,060** gam (sau giám định còn: 0,057gam).

- Chất tinh thể rắn màu trắng có trong 03 bì ni lông thu của bị cáo Nhi là ma túy Methamphetamine, khối lượng **1,535** gam (sau giám định: 1,524gam).

- Chất tinh thể rắn màu trắng có trong 01 ống thủy tinh uốn cong một đầu có bầu hở thu của bị cáo Cường là ma túy Methamphetamine, khối lượng **0,061** gam (sau giám định: 0,058gam).

Tại Cáo trạng số 139/CT-VKSTPKT ngày 10/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt truy tố bị cáo Lê Thị T Nh và bị cáo Lê Q C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Nhi và bị cáo Cường mỗi bị cáo từ **08** năm đến **09** năm tù.

Đề nghị xử lý vật chứng và buộc hai bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Khoản tiền 200.000 đồng mà bị cáo Cường có được từ việc thu lợi bất chính bán ma túy cho Oanh và Duyên. Buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử hai bị cáo Th khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an Th phố Kt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Th phố Kt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Xét hành vi bị truy tố: Khoảng 15 giờ ngày 20/6/2024 tại nhà của bị cáo Lê Q C ở đường Lê Hoàn, đoạn thuộc thôn Kt Kơ Pong, phường Th L, Th phố Kt, tỉnh Kt, bị cáo Cường và bị cáo Lê Thị T Nh đã thực hiện hành vi mua trái phép 1,656 gam ma túy Methamphetamine (sau giám định còn 1,639 gam), mục đích bán kiếm lời. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/6/2024 tại trước khách sạn Hồng My, địa chỉ: 43 Ngô Quyền, Th phố Kt, bị cáo Cường và Nhi đã 02 lần thực hiện hành vi bán ma túy **cho 3 người**, trong đó 01 lần bán cho anh Quách Th Đô giá 200.000 đồng và 01 lần bán cho chị Nguyễn Thị Md và chị Nguyễn Thị K O giá 200.000 đồng.

Hành **vi mua** ma túy và 02 lần bán trái phép chất ma túy cho 03 người nêu trên của 02 bị cáo đủ yếu tố cấu Th tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với 02 tình tiết định khung tăng nặng đó là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Đối với 02 người trở lên*” **quy** định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 BLHS. Do đó Viện kiểm sát truy tố hai bị cáo là có căn cứ đúng luật.

[2] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của hai bị cáo:

Hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm Luật phòng chống ma túy, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn và tội phạm. Hai bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện.

Hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Để có cơ sở quyết định hình phạt, cần phân hóa vai trò tham gia trong đồng phạm của hai bị cáo: Bị cáo Nhi là người khởi xướng, rủ rê, góp tiền và phân chia ma túy Th từng gói nhỏ; bị cáo Cường khi được bị cáo Nhi rủ mua ma túy bán kiếm lời, bị cáo không can ngăn mà đồng ý ngay, trực tiếp thực hiện hành vi mua ma túy và bán ma túy; tiền lời thu được từ việc bán ma túy hai bị cáo thỏa thuận ăn chia 50-50, nên hai bị cáo có vai trò ngang nhau trong đồng phạm.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

- *Tình tiết tăng nặng*: Hai bị cáo đều đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Hai bị cáo Th khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- *Nhân thân*: Hai bị cáo đều có nhân thân không tốt.

[4] Hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của hai bị cáo; xét thực trạng tội phạm về ma túy trên địa bàn Th phố Kt hiện nay. Cần xử phạt nghiêm minh, cách ly hai bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hai bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

- 1,639 gam ma túy Methamphetamine (*số ma túy còn lại sau giám định*); 01 đoạn ống hút nhựa, 03 bì ni lông, 01 ống thủy tinh, 03 phong bì đựng mẫu vật (*các vật chứng này được bỏ chung trong một phong bì niêm phong*) và 03 vỏ bì ni lông, 01 phong bao lì xì màu đỏ, 01 cân tiểu ly và 01 kéo bằng kim loại. Tất cả các vật chứng này là chất cấm tang trữ, cấm lưu hành, là công cụ phạm tội, là vật không còn giá trị sử dụng. Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy.

- Khoản tiền 200.000 đồng (*02 tờ tiền VNĐ mệnh giá 100.000 đồng*) mà bị cáo Nhi giao nộp là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội bán ma túy; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh của bị cáo Cường và 01 điện thoại di động NOKIA màu đen bị cáo Nhi là công cụ phạm tội dùng liên lạc để mua bán ma túy. Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Xe mô tô biển số 82B1-636.15 và 01 điện thoại di động OPPO là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Mđ; 01 điện thoại di động TECNOPOVA là của chị Nguyễn Thị K O. Các vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nhi và Cường. Căn cứ Điều 106 BLTTHS trả lại cho chị Oanh và chị Duyên.

- Cơ quan CSĐT đã trả lại xe mô tô biển số 82B2-076.96 cho ông Thái S là đúng luật.

[7] *Biện pháp tư pháp*: Khoản tiền 200.000 đồng mà bị cáo Cường có được từ việc thu lợi bất chính bán ma túy cho Duyên và Oanh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, buộc bị cáo nộp lại 200.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[8] *Các vấn đề khác*:

- Công an Th phố Kt Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Oanh và Duyên về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng luật.

- Bị cáo Cường khai mua ma túy của đối tượng tên Chính. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh, nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

- Chị Th chủ khách sạn không biết hai bị cáo tàng trữ ma túy tại khách sạn nên chị không có lỗi.

[9] *Về án phí*: Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Q C và bị cáo Lê Thị T Nh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị T Nh: 08** (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày **21/6/2024**).

2.2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Q C: 08** (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày **21/6/2024**).

2.3. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng:

- **1,639** (Một phẩy sáu trăm ba mươi chín) gam ma túy Methamphetamine (Số ma túy còn lại sau giám định); **01** (Một) đoạn ống nhựa; **03** (Ba) bì ni lông; **01** (Một) ống thủy tinh được uốn cong, một đầu có bầu hở; **03** (Ba) phong bì đựng mẫu vật gửi giám định. Tất cả được niêm phong trong 01 (Một) phong bì mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH KT PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 220/KL-KTHS”, mặt sau có các hình dấu tròn có nội dung “*PHÒNG KỸ

THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH KT” và các chữ ký ghi tên của những người tham gia niêm phong tại mép dán;

- **03** (Ba) bì ni lông;
- **01** (Một) phong bao lì xì bằng giấy màu đỏ;
- **01** (Một) cân tiểu ly (*Cân điện tử*) đã qua sử dụng;
- **01** (Một) kéo bằng kim loại, đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với các vật chứng:

- **01** (Một) điện thoại di động dạng cảm ứng, mặt sau có chữ OPPO, màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, được niêm phong trong phong bì dán kín có chữ ký của những người liên quan và các hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường Th L, Th phố Kt, tỉnh Kt, ghi chữ “ĐT Cường”;

- **01** (Một) điện thoại di động dạng phím bấm, mặt sau có chữ NOKIA, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, được niêm phong trong phong bì dán kín có chữ ký của những người liên quan và các hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường Th L, Th phố Kt, tỉnh Kt, ghi chữ “ĐT Nhi”;

- **02** (Hai) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*), có số seri lần lượt là HH 19319462 và UB 18532518 được niêm phong trong phong bì dán kín, có chữ ký của những người liên quan và các hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường Th L, Th phố Kt, tỉnh Kt, ký hiệu “Tiền”.

3.3. Trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Md: **01** (Một) xe mô tô biển số 82B1-626.15 đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong; và **01** (Một) điện thoại di động dạng cảm ứng, mặt sau có chữ OPPO, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, được niêm phong trong phong bì dán kín có chữ ký của những người liên quan và các hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường Q T, Th phố Kt, tỉnh Kt, ghi chữ “ĐT Duyên”.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị K O: **01** (Một) điện thoại di động dạng cảm ứng, mặt sau có chữ TECNO POVA đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong, được niêm phong trong phong bì dán kín có chữ ký của những người liên quan và các hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường Q T, Th phố Kt, tỉnh Kt, ghi chữ “ĐT Oanh”.

Các vật chứng nêu trên (tại tiểu các mục 3.1, 3.2 và 3.3) có đặc điểm như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Th phố Kt và Chi cục Thi hành án dân sự Th phố Kt.

4. Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015.

Buộc bị cáo Lê Q C phải nộp lại **200.000** (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Q C và Lê Thị T Nh mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2024). Người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP. KonTum;
- Công an TP. KonTum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kt;
- Chi cục THA DS TP. Kt;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài